

Số: 2305/LĐT BXH-KHTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2018

V/v: Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 2019 - 2021 (Vốn sự nghiệp)

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính: số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 hướng dẫn Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN năm 2015 và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, Bộ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 2019 - 2021 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018 VÀ GIAI ĐOẠN 2016 - 2018

1. Căn cứ đánh giá nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2018

- Dự toán thu, chi các nguồn kinh phí được giao tại Quyết định số 2093/QĐ-LĐT BXH ngày 29/12/2017 và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có);

- Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và Quyết định số 54/QĐ-LĐT BXH ngày 17/01/2018 của Bộ trưởng về việc ban hành Chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2018;

- Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước năm 2018;

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN 6 tháng đầu năm; các giải pháp phần đầu hoàn thành vượt dự toán NSNN 2018 trong những tháng còn lại đã được các cấp có thẩm quyền quyết định.

- Các kết luận, kiến nghị của các cơ quan chức năng đối với công tác thanh tra, kiểm toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng khi tổ chức thực hiện thu chi NSNN; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2018

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

- Đánh giá thực hiện thu NSNN theo quy định của Luật NSNN năm 2015, không hạch toán vào NSNN các khoản thu phí, lệ phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí; các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại của các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện.

- Đánh giá kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, thu xử phạt hành chính... 6 tháng đầu năm và ước cả năm. Các đơn vị được giao dự toán thu cần có biện pháp cụ thể để phấn đấu thu đạt và vượt chỉ tiêu được giao; trong trường hợp khó khăn, không thực hiện được phải báo cáo phân tích rõ nguyên nhân để tổng hợp đề nghị điều chỉnh dự toán giao thu ngân sách.

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

a. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2018:

- Báo cáo tình hình thực hiện phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2018 theo từng lĩnh vực chi được giao; kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý.

- Kết quả việc dừng triển khai và thu hồi các khoản kinh phí chi thường xuyên đã giao trong dự toán đầu năm của đơn vị nhưng đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 chưa phân bổ theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, kiểm tra giám sát chi tiêu các nguồn kinh phí trong những tháng còn lại đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Đồng thời triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật phòng chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên giai đoạn 2016 – 2018:

- Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ có mục tiêu, kế hoạch triển khai diễn ra trong giai đoạn 2016 - 2020, đánh giá chi tiết từng quyết định giao nhiệm vụ, tổng kinh phí, phân kỳ thực hiện từng năm 2016 - 2020, số lũy kế đã thực hiện năm 2016 - 2018, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Đánh giá lũy kế kinh phí thường xuyên đã giảm được trong 3 năm 2016 - 2018 (% đã giảm được so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2015); tình hình tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 (so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2015); chi tiết đối với từng lĩnh vực sự nghiệp; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

2.3. Đánh giá tình hình thực hiện các CTMTQG, CTMT và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước

a. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

- Đánh giá tình hình thực hiện dự toán năm 2018 các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

+ Các đơn vị chủ trì các dự án, hoạt động thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia/chương trình mục tiêu đã được phê duyệt từ năm 2017 về trước báo cáo tình hình ban hành/thực hiện các văn bản hướng dẫn, cơ chế phối hợp với các cơ quan được phân công chủ trì dự án/nội dung thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Các đơn vị đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu năm 2018; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện; trường hợp chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu có sử dụng nguồn vốn ngoài nước thì báo cáo tình hình giải ngân chi tiết theo vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, cơ chế tài chính và đề xuất kiến nghị (nếu có).

+ Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, đánh giá cụ thể tình hình triển khai đối với các huyện mới được bổ sung theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trên cơ sở ước thực hiện dự toán chi năm 2018, đánh giá tình hình lũy kế thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2018 so với kế hoạch trung hạn được giao giai đoạn 2016 - 2020 (nếu có) và so với tổng mức được phê duyệt cho giai đoạn 2016 - 2020 (trường hợp chưa/không được giao kế hoạch trung hạn), những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

b. Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng vốn ngoài nước:

- Các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2018 các chương trình, dự án khác sử dụng vốn ngoài nước (bao gồm cả dự án ô), chi tiết theo vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, cơ chế tài chính và đề xuất kiến nghị (nếu có).

Riêng các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và/hoặc vay ưu đãi xác định khả năng giải ngân vượt dự toán được giao (nếu có); các chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ chưa có dự toán, cần thiết thực hiện ngay trong năm 2018 thì phải báo cáo Bộ có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ để điều chỉnh trong phạm vi dự toán tổng nguồn vốn ngoài nước được giao, hoặc trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định bổ sung dự toán trước khi thực hiện nếu vượt dự toán tổng nguồn vốn ngoài nước được giao.

- Trên cơ sở ước thực hiện dự toán chi năm 2018, đánh giá lũy kế việc thực hiện giai đoạn 2016 - 2018 so với mục tiêu, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được giao (nếu có)/ hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2016 - 2020 theo Hiệp định hoặc thỏa thuận đã ký kết; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

2.4. Kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương năm 2018

- Biên chế, quỹ lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn).

- Nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện cải cách tiền lương năm 2018, trong đó làm rõ:

+ Nguồn sắp xếp các khoản chi thường xuyên trong phạm vi dự toán NSNN năm 2018 được giao; nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng hết năm 2017 chuyển sang năm 2018 (nếu có), nguồn chưa sử dụng hết năm 2018 chuyển sang năm 2019 thực hiện điều chỉnh lương cơ sở (nếu có).

+ Nguồn thu được để lại theo chế độ theo lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lĩnh vực.

+ Nguồn dành ra gắn với việc thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW.

2.5. Đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước chủ yếu của ngành:

a. Đánh giá kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm 2018.

- Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- Tình hình hướng dẫn, triển khai và kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm và ước cả năm (chi tiết các mục tiêu và kinh phí dành ra) việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (Nghị quyết số 18-NQ/TW), Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Nghị quyết số 39-NQ/TW) và Kết luận số 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021 (Kết luận số 17-KL/TW); Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Ban Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW (Kế hoạch số 07-KH/TW); Nghị định số 10/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP); Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh chủ trương tinh giản biên chế (Chỉ thị số 02/CT-TTg); Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW (Quyết định số 2218/QĐ-TTg).

- Tình hình hướng dẫn, triển khai và kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm và ước cả năm (chi tiết các mục tiêu và kinh phí dành ra) việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp

hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP); các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể (Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 về cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (Nghị định số 54/2016/NĐ-CP), Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (Nghị định số 141/2016/NĐ-CP),...).

+ Trong lĩnh vực y tế, đánh giá kết quả thực hiện giảm cấp chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ y tế và việc sử dụng số kinh phí dành ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 132/2017/TT-BTC, các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

+ Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, đánh giá cụ thể về kết quả thực hiện Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014; xác định các khó khăn, vướng mắc, các giải pháp, kiến nghị để vận dụng, mở rộng thực hiện đối với Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Tình hình triển khai thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ trong 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2018; các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị xử lý.

b. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2016 - 2018:

- Đánh giá lũy kế việc triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW trong 3 năm 2016 - 2018 so với các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 39-NQ/TW chi tiết đối với từng mục tiêu, số kinh phí dành ra được.

- Đánh giá lũy kế việc triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP; trong đó chi tiết việc ban hành các văn bản hướng dẫn theo Quyết định 695/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; tình hình thực hiện lộ trình tính đủ chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công; việc thực hiện tinh giản biên chế trong 3 năm 2016 - 2018 (% đã giảm được so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2015); tình hình tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 (so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2015); chi tiết đối với từng lĩnh vực sự nghiệp; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

1. Yêu cầu xây dựng dự toán năm 2019

Năm 2019 là năm triển khai đồng bộ các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII; tiếp tục triển khai Nghị quyết số 07-NQ/TW; là năm thứ 4 triển khai Nghị quyết số 142/2016/QH13, Nghị quyết số 25/2016/QH14, Nghị quyết

số 26/2016/QH14 nên có ý nghĩa quan trọng trong việc đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và tài chính - NSNN 5 năm 2016 - 2020.

- Dự toán NSNN năm 2019 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN 2015 và các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31 tháng 12 năm 2018; mục tiêu, nhiệm vụ của các Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016 - 2020 được phê duyệt; phù hợp với định hướng phát triển và mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2019 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2019 phải theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

- Các đơn vị trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, lũy kế việc thực hiện 03 năm 2016 - 2018, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2020 của lĩnh vực quản lý nhà nước do đơn vị phụ trách, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong năm 2019 phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 07-NQ/TW, Nghị quyết số 25/2016/QH14, triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW; chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên, các chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2019 trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Các đơn vị quản lý nhà nước lĩnh vực khi xây dựng dự toán cần tính tới việc rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để bãi bỏ, hoặc lồng ghép theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; không đề xuất các chính sách làm giảm thu ngân sách; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước

- Dự toán thu NSNN năm 2019 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành (tổng hợp đầy đủ các khoản thu từ phí, lệ phí và các khoản thu khác vào NSNN theo qui định của Luật NSNN năm 2015, Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn); trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2018, dự báo tình hình năm 2019 có tính đến các yếu tố tác động trong và ngoài nước.

- Các đơn vị thực hiện nghiêm túc các khoản thu hồi nộp ngân sách nhà nước theo kết luận, kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, các cơ quan chức năng.

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp NSNN và để lại chi theo quy định, các đơn vị ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2018, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2019 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo

từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định của Luật NSNN 2015 và các văn bản hướng dẫn), nhưng chỉ tổng hợp phần nộp NSNN theo quy định.

- Đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các đơn vị nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cùng dự toán ngân sách năm 2019 để giám sát theo quy định. Các đơn vị tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

- Xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại:

+ Căn cứ các hiệp định, thỏa thuận viện trợ ODA và viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã ký kết; tiến độ thực hiện và giải ngân vốn của các chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2018 và dự kiến đến hết năm 2018; các đơn vị xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại năm 2019 của đơn vị mình phù hợp với các hiệp định, thỏa thuận đã ký kết và sát thực tiễn.

+ Các đơn vị chỉ được chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại khi có dự toán thu. Trường hợp các khoản thu viện trợ phát sinh sau thời điểm trình dự toán thì phải báo cáo Bộ Tài chính (đối với vốn viện trợ cho chi thường xuyên) để tổng hợp báo cáo Chính phủ, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho bổ sung dự toán thu làm cơ sở để bổ sung dự toán chi theo quy định.

3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên (Vốn sự nghiệp)

a. Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 (nếu có), xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2019, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành.

- Các đơn vị sử dụng NSNN lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm. Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, mở rộng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng hiện đại gắn với cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4.

- Đối với dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, dự toán của các đơn vị thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất; trong đó:

+ Về đề xuất dự toán để tổng hợp chung trong dự toán năm 2019 của Bộ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 92/2017/TT-BTC, các đơn vị gửi kèm thuyết minh chi tiết về tên công trình; mục tiêu sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng; sự cần thiết, lý do thực hiện; văn bản phê duyệt của cấp

có thẩm quyền (nếu có); khối lượng công việc dự kiến; thời gian bắt đầu, kết thúc; dự toán kinh phí theo các nguồn vốn và phân kỳ thực hiện hàng năm.

+ Về điều kiện phân bổ dự toán năm 2019: Chỉ thực hiện phân bổ dự toán kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng đối với các đơn vị có đầy đủ tài liệu theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 92/2017/TT-BTC và gửi về Bộ trước ngày 15/12/2018.

b. Dự toán chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 17-KL/TW; việc rà soát, sắp xếp lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong năm 2019; xác định mức kinh phí dành ra gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2019. Cụ thể:

- Theo Nghị quyết số 18-NQ/TW đối với: (i) Việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong của từng tổ chức theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý; (ii) Đổi mới về tổ chức bộ máy và kiêm nhiệm chức danh để tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW; Thông báo kết luận số 30-TB/TW ngày 23 tháng 5 năm 2017 về kết quả kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; Kết luận số 17-KL/TW; Công văn số 5470/BNV-TCBC ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ, theo đó mức giảm biên chế năm 2019 được xác định là mức giảm tối thiểu/năm đối với từng nhóm cơ quan tương ứng.

- Ước tính kinh phí dành ra đối với các cơ quan hành chính từ giảm chi con người, chi hoạt động bộ máy, chi cơ sở vật chất...; cũng như nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

c. Dự toán chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp xây dựng trên cơ sở tiến độ đã thực hiện giai đoạn 2016 - 2018; mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 17-KL/TW; các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 10/NQ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong năm 2019; xác định mức giảm dự toán gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2019. Cụ thể:

- Việc tinh giản biên chế theo Kết luận số 17-KL/TW, theo đó mức giảm biên chế năm 2019 được xác định là mức giảm tối thiểu/năm đối với từng nhóm cơ quan tương ứng.

- Việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập (việc ban hành các văn bản quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ).

- Giảm đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập; giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ những đơn vị đã bảo đảm tự chủ tài chính).

- Lộ trình tính giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, tăng đơn vị tự chủ toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, tự chủ toàn bộ chi thường xuyên; tăng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp còn lại.

- Ước tính kinh phí dành ra đối với từng mục tiêu, chi tiết giảm chi con người, chi hoạt động bộ máy, giảm chi gắn với lộ trình tăng giá, phí dịch vụ sự nghiệp công và chuyên nhóm đơn vị tự chủ...; cũng như nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

- Việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần (trừ các bệnh viện và trường học).

d. Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2019:

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Lập dự toán chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thuyết minh cụ thể các nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở, các nhiệm vụ thường xuyên và không thường xuyên khác của tổ chức khoa học và công nghệ. Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập theo quy định của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niên nhà giáo, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Chi sự nghiệp y tế: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhu cầu kinh phí NSNN phải đảm bảo chi trả tiền lương, chế độ phụ cấp đặc thù chưa kết cấu vào giá dịch vụ y tế, chế độ phụ cấp chống dịch theo quy định.

Dự kiến tác động đối với dự toán NSNN năm 2019 khi triển khai thực hiện Thông tư 02/2017/TT-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: kinh phí thực hiện công tác quy hoạch. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

- Chủ động dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp thẩm quyền và Nghị quyết của Chính phủ;

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2019 (bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2018 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2019 theo mức giảm tối thiểu/năm đối với từng khối cơ quan, đơn vị quy định tại Kết luận số 17-KL/TW, trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2018 (nếu có).

+ Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán (trong phạm vi biên chế được duyệt), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT, kinh phí công đoàn); (ii) Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ; (iii) số phải giảm Quỹ lương theo lộ trình thực hiện Kết luận số 17-KL/TW.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2019 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2019 được xác định căn cứ vào việc tăng, giảm nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao trong năm 2019.

4. Các đơn vị quản lý nhà nước các lĩnh vực bên cạnh việc lập dự toán thu, chi NSNN năm 2019 (phần trực tiếp thực hiện tại đơn vị), cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành năm 2019, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

5. Xây dựng dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG), các chương trình mục tiêu (CTMT)

Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từng CTMTQG, CTMT, các đơn vị chủ chương trình, dự án, hoạt động thành phần xây dựng dự toán chi CTMTQG, CTMT; trong đó:

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, tổng mức vốn, kinh phí đã được duyệt, lũy kế thực hiện năm 2016 - 2018, kế hoạch trung hạn được giao (nếu có) và số kiểm tra năm 2019, Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng của NSĐP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng của NSĐP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, các đơn vị được giao là chủ chương trình dự án thành phần thuộc Chương

trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện Dự án, chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình.

- Các đơn vị chủ chương trình, dự án, hoạt động thành phần, căn cứ nhiệm vụ được giao tại quyết định phê duyệt từng CTMTQG, CTMT thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW, nguồn đối ứng NSDP, tổng hợp gửi Bộ để tổng hợp chung gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan chủ chương trình (đối với các Chương trình do Bộ khác chủ trì quản lý) theo quy định.

Dự toán phải kèm thuyết minh chi tiết chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của từng dự án, nhiệm vụ.

6. Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài

a. Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ Hiệp định đã ký với nhà tài trợ, lũy kế việc thực hiện năm 2016 - 2018; khả năng thực hiện dự án năm 2019 và trong phạm vi hạn mức vốn ngoài nước trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; trên cơ sở cơ chế tài chính của các chương trình, dự án; các đơn vị thực hiện lập dự toán các chương trình, dự án có sử dụng vốn ngoài nước, chi tiết vốn vay nợ nước ngoài (bao gồm vay ODA, vay ưu đãi), vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi ĐTPT, chi sự nghiệp; ưu tiên bố trí đủ kế hoạch vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch, đối với các chương trình, dự án mới, chỉ triển khai nếu thực sự hiệu quả, phù hợp với khả năng giải ngân theo Hiệp định đã ký và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Các đơn vị không đề xuất ký kết các hiệp định vay mới cho chi thường xuyên.

b. Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp cả vốn cấp phát từ NSNN và vốn cho vay lại, đơn vị được giao quản lý chương trình, dự án phải hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán cho từng phần vốn.

c. Các chương trình, dự án, do một số bộ, cơ quan trung ương và các địa phương cùng tham gia, các đơn vị chủ dự án lập dự toán chi từ nguồn vốn ngoài nước gửi Bộ tổng hợp và thuyết minh cơ sở phân bổ gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

d. Đối với các chương trình, dự án ô, các đơn vị chủ dự án thành phần có trách nhiệm xây dựng dự toán chi tiết kinh phí thực hiện dự án thành phần, gửi Bộ tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, chi tiết theo nguồn vốn, theo nhiệm vụ như các chương trình, dự án thông thường và theo từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

đ. Lập dự toán chi từ nguồn vốn ngoài nước phải đảm bảo đúng, đủ và trong phạm vi hạn mức quy định tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia.

e. Trường hợp đánh giá dự án đang triển khai có khả năng giải ngân không đạt hoặc vượt kế hoạch trung hạn đã được giao; hoặc có các dự án đã được phê duyệt chủ trương, ký kết hiệp định, thỏa thuận vay vốn, có khả năng giải ngân trong các năm 2019-2020, nhưng chưa được đưa vào kế hoạch trung hạn 2016 - 2020, thì các đơn vị có báo cáo cụ thể để Bộ tổng hợp gửi các cơ quan chức năng xem xét điều chỉnh kế hoạch trung hạn trong tổng hạn mức vốn vay (cả nguồn trong nước và ngoài nước) thuộc kế hoạch trung hạn đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

7. Dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ

a. Các đơn vị thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) gắn với chủ động sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên; một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư;

b. Nguồn chi thường xuyên dành ra gắn với thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, trong đó chi tiết đối với từng Nghị quyết, theo từng mục tiêu, bao gồm cả nguồn dành ra do thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và thực hiện tăng tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở điều chỉnh giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định của Chính phủ quy định quyền tự chủ của đơn vị sự nghiệp trong từng lĩnh vực cụ thể.

8. Dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ:

Các đơn vị thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo Bộ theo quy định mẫu biểu tại Thông tư 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính để theo dõi.

9. Các đơn vị có quản lý Quỹ ngoài ngân sách (Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ xuất khẩu lao động, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ hỗ trợ khắc phục bom mìn VN) báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2018 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2019 của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 11, điều 8 Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, gửi cùng dự toán NSNN năm 2019.

III. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2019 -2021

1. Yêu cầu lập kế hoạch 03 năm 2019 – 2021

Năm 2019 là năm thứ hai triển khai xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm. Theo quy định tại Luật NSNN 2015, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (Thông tư số 69/2017/TT-BTC), việc lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 đảm bảo các yêu cầu sau:

a. Căn cứ kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020 các đơn vị đã đề xuất cùng xây dựng dự toán 2018, các trần chi tiêu giai đoạn 2019 - 2021 do cơ quan

tài chính, kế hoạch và đầu tư cập nhật, thông báo (nếu có); các đơn vị xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 – 2021 theo quy định tại các văn bản nêu trên.

Trường hợp nhu cầu chi của các đơn vị trong các năm 2019 - 2021 tăng, giảm mạnh so với dự toán năm 2018 đã được giao và ước thực hiện năm 2018, các đơn vị phải có thuyết minh, giải trình, có các giải pháp huy động thêm các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách, đảm bảo các nhu cầu chi phải được cân đối từ các nguồn lực tương ứng.

b. Riêng đối với năm 2021, việc xây dựng số thu, nhiệm vụ chi trên cơ sở Luật NSNN, các Luật về phí, lệ phí, Luật Đầu tư công và các Luật có liên quan đang có hiệu lực và các văn bản hướng dẫn; lộ trình triển khai các Nghị quyết Hội nghị Trung ương Khóa XII, đặt biệt là Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW; các chế độ, chính sách, nhiệm vụ, chương trình, dự án chi ngân sách đang được thực hiện theo phân kỳ được phê duyệt; các thỏa thuận, hiệp định vay nợ đã được ký kết, triển khai theo cam kết.

c. Lập kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2019 - 2021 trên cơ sở dự kiến một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô giai đoạn 2019 - 2021 như sau: năm 2019, 2020 tăng trưởng phần đầu cao hơn năm 2018, đảm bảo thực hiện mục tiêu tăng trưởng bình quân cả giai đoạn 2016 - 2020 ở mức 6,5 - 7%; năm 2021, tốc độ tăng trưởng kinh tế có khả năng chậm lại do quy mô GDP ở mức cao, xu hướng tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại; chỉ số giá tiêu dùng ổn định ở mức dưới 4%/năm; tốc độ tăng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa có xu hướng giảm.

d. Việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2019.

2. Lập kế hoạch thu NSNN 03 năm 2019 – 2021

- Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2019 - 2021 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2018-2020; dự toán thu NSNN năm 2019 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2020, năm 2021; đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN.

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định, các đơn vị căn cứ số dự kiến thu năm 2019 để xây dựng kế hoạch thu năm 2020, năm 2021 phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (số thu, số để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN) theo quy định và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần phí, lệ phí nộp NSNN.

- Đối với các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế, dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyên sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu NSNN, các đơn vị lập kế hoạch thu và xây dựng phương án sử dụng để gửi Bộ giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định.

3. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2019 – 2021

- Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2019 - 2021 của các đơn vị được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020, số ước thực hiện năm 2018, trần chi ngân sách giai đoạn 2019 - 2021 do cơ quan có thẩm quyền thông báo

(nếu có); trong đó thuyết minh cụ thể các nhu cầu chi tăng, giảm gắn với việc thay đổi cơ chế, chính sách theo các chủ trương, phê duyệt của cấp thẩm quyền; các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) đã hết thời gian thực hiện/mới được phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW, các Nghị quyết số 08/NQ-CP và Nghị quyết số 10/NQ-CP của Chính phủ ban hành hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2019, các đơn vị đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của đơn vị mình năm dự toán 2019 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTPT, nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi năm 2020, năm 2021.

Đối với các đơn vị quản lý lĩnh vực (Tổng cục, Cục...) bên cạnh việc lập kế hoạch thu, chi NSNN từng năm của giai đoạn 2019 - 2021 (phần bộ trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2019 - 2021, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

- Lập kế hoạch chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

+ Các đơn vị quản lý dự án, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, tổng mức vốn, kinh phí đã được duyệt giai đoạn 2016 - 2020; tiến độ thực hiện các năm 2016 - 2018 và trần chi được thông báo; hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và đơn vị cấp tỉnh lập kế hoạch vốn, kinh phí thực hiện năm 2019 - 2020.

+ Đối với năm 2021, không lập kế hoạch chi cho các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu 2016 - 2020. Việc bổ sung kế hoạch chi cho các nhiệm vụ này sẽ được cập nhật sau khi cấp thẩm quyền có chủ trương, quyết định về triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sau năm 2020.

- Lập kế hoạch chi các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm cả vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

+ Căn cứ các Hiệp định vay nợ, thỏa thuận viện trợ đã ký với nhà tài trợ và cơ chế tài chính của chương trình, dự án; thực tế triển khai các năm 2016 - 2018; các đơn vị lập kế hoạch chi cho các chương trình, dự án năm 2019 - 2020, trong đó chi tiết vốn vay, vốn viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng của từng chương trình, dự án và phù hợp với tính chất sử dụng vốn (vốn ĐTPT và vốn sự nghiệp) theo các lĩnh vực chi tương ứng; cùng với các nguồn vay nợ khác, đảm bảo trong hạn mức vay trung hạn 2016 - 2020 đã được giao.

+ Đối với năm 2021, việc lập kế hoạch chi từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài tiếp tục theo các Hiệp định, thỏa thuận vay và cơ chế tài chính đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Lập kế hoạch chi thường xuyên:

+ Lập kế hoạch chi tiết việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ còn hiệu lực/hết hiệu lực; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với việc sắp xếp lại bộ, máy, tinh giản biên chế và đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, căn cứ kết quả triển khai năm 2016 - 2018 và mục tiêu phải thực hiện, các đơn vị xác định kế hoạch triển khai trong từng năm, mức kinh phí dành ra hàng năm đối với các đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW (chi tiết mức kinh phí dành ra theo quy định tại điểm b và điểm c, khoản 3 Phần II của công văn này).

Riêng đối với mục tiêu giảm biên chế, mức giảm hàng năm tối thiểu theo chỉ đạo tại Kết luận số 17-KL/TW.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thuyết minh, mẫu biểu lập dự toán:

1.1. Thuyết minh lập dự toán:

Năm 2019 là năm thứ 2 xây dựng dự toán theo quy định của Luật NSNN 2015 và các văn bản hướng dẫn, yêu cầu các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ nghiên cứu kỹ các văn bản hiện hành và hướng dẫn tại công văn này của Bộ để đảm bảo thuyết minh dự toán đầy đủ theo quy định. Trong đó:

- Đối với các khoản chi thường xuyên:

+ Các khoản chi cho hoạt động hành chính, sự nghiệp của các đơn vị được dự toán trên cơ sở chế độ, chính sách và định mức chi hiện hành. Đối với các nhiệm vụ tăng hoặc giảm so với năm 2018, đơn vị lập dự toán tăng hoặc giảm tương ứng, những nhiệm vụ đặc thù của từng đơn vị cần có thuyết minh cụ thể.

+ Các nhiệm vụ chi thường xuyên khác (sự nghiệp nuôi dưỡng người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội,...) căn cứ vào kế hoạch và nhiệm vụ được giao, ước kết quả thực hiện năm 2018 để lập dự toán chi tiết triển khai thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị.

- Đối với các khoản chi không thường xuyên:

+ Các khoản chi chương trình, đề tài cấp Bộ... ngoài việc lập dự toán theo yêu cầu cần khẩn trương hoàn tất các thủ tục theo quy định để đảm bảo điều kiện bố trí dự toán kinh phí.

+ Các khoản chi cho mua sắm, sửa chữa tài sản, chi cho công việc (Hội nghị, điều tra, nghiên cứu...) bằng nguồn kinh phí sự nghiệp cần có thuyết minh, tính toán chi tiết kèm theo.

1.2. Báo biểu lập dự toán

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và nội dung hoạt động của đơn vị, dự toán thu chi NSNN của đơn vị lập theo hệ thống biểu mẫu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 hướng dẫn Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN năm 2015 (đã hướng dẫn cụ thể tại công văn số 2905/LĐT BXH-KHTC ngày 13/7/2017 về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài

chính – ngân sách nhà nước 2018 – 2020) và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm và mẫu biểu kèm theo công văn này.

2. Những đề xuất, kiến nghị của đơn vị (nếu có)

- Trên cơ sở kết quả đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2018; kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán,... các đơn vị nghiên cứu đề xuất cụ thể việc sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ thu, chi NSNN và các chính sách, chế độ khác; kiến nghị công tác hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ NSNN để tổng hợp đề nghị Bộ Tài chính và các cấp có thẩm quyền nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

- Đề xuất bổ sung, sửa đổi chính sách chế độ, định mức không còn phù hợp

3. Tiến độ lập dự toán:

- Các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ gửi Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 về Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 05/7/2018 đồng thời gửi thư theo địa chỉ mail: phongkh@molisa.gov.vn.

- Các đơn vị dự toán có đơn vị dự toán trực thuộc (Tổng cục GDNN, Cục Người có công...) chủ động hướng dẫn, tổng hợp dự toán đối với các đơn vị dự toán trực thuộc để đảm bảo yêu cầu về thời gian nêu trên.

Yêu cầu Thủ trưởng đơn vị tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch và dự toán NSNN năm 2019 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm 2019 - 2021 đảm bảo yêu cầu, nội dung và tiến độ quy định.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đơn vị phản ánh về Bộ (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính, điện thoại 04.38.269.544) để được hướng dẫn thêm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.



Doãn Mậu Diệp

TỔNG HỢP NHU CẦU CHI THƯỜNG XUYÊN GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20/7 hằng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG (*)	THỰC HIỆN NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NĂM DỰ TOÁN (N)			NĂM N + 1			NĂM N + 2		
			TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CỦA ĐƠN VỊ	CHÉNH LỆCH NHU NHU CẦU - TRẦN CHI	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CỦA ĐƠN VỊ	CHÉNH LỆCH NHU CẦU - TRẦN CHI	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CỦA ĐƠN VỊ	CHÉNH LỆCH NHU CẦU - TRẦN CHI
		1	2	3	4=3-2	5	6	7=6-5	8	9	10=9-8
	TỔNG NHU CẦU										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
1	Quốc phòng										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
3	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
4										

..., ngày ... tháng ... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị ...
Chương ...

MẪU BIỂU SỐ 17

CHI TIẾT NHU CẦU CHI THƯỜNG XUYÊN GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20/7 hằng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	LĨNH VỰC ⁽¹⁾ /NỘI DUNG CHI	THỰC HIỆN NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NHU CẦU NĂM DỰ TOÁN (N)	NHU CẦU NĂM N+1	NHU CẦU NĂM N+2
	TỔNG NHU CẦU CHI THƯỜNG XUYÊN				
	TRONG ĐÓ: - CHI THƯỜNG XUYÊN CƠ SỞ				
	- CHI THƯỜNG XUYÊN MỚI				
1	Quốc phòng				
a	Chi thường xuyên cơ sở				
(1)	Dự toán/dự kiến bố trí				
(2)	Các điều chỉnh chỉ tiêu cơ sở				
	- Thay đổi kỹ thuật (chi tiết theo từng đề xuất cụ thể)				
	- Thực hiện cắt giảm dự toán để đảm bảo mục tiêu cân đối NSNN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền				
b	Chi thường xuyên mới ⁽²⁾				
(1)	Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã ban hành trước đây nhưng đến giai đoạn kế hoạch này mới bố trí được nguồn để triển khai				
(2)	Kinh phí duy trì thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động mới được bổ sung ở năm hiện hành, tiếp tục thực hiện năm dự toán và các năm tiếp theo.				
(3)	Kinh phí tăng thêm khi tăng quy mô biên chế của cơ quan, đơn vị theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền				
(4)	Kinh phí duy tu bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị để vận hành các dự án đầu tư mới hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm dự toán;				
(5)	Kinh phí cho các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách bắt đầu thực hiện trong năm dự toán, bao gồm cả kinh phí sự nghiệp đối ứng cho các dự án mới sử dụng vốn ngoài nước				
(6)	Kinh phí thực hiện cải cách mức tiền lương cơ sở theo quyết định của cấp có thẩm quyền.				
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				
a	Chi thường xuyên cơ sở				
(1)	Dự toán/dự kiến bố trí				
(2)	Các điều chỉnh chỉ tiêu cơ sở				
	- Thay đổi kỹ thuật (chi tiết theo từng đề xuất cụ thể)				
	- Thực hiện cắt giảm dự toán để đảm bảo mục tiêu cân đối NSNN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền				
b	Chi thường xuyên mới ⁽²⁾				

STT	LĨNH VỰC ⁽¹⁾ /NỘI DUNG CHI	THỰC HIỆN NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NHU CẦU NĂM DỰ TOÁN (N)	NHU CẦU NĂM N+1	NHU CẦU NĂM N+2
(1)	Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã ban hành trước đây nhưng đến giai đoạn kế hoạch này mới bố trí được nguồn để triển khai				
(2)	Kinh phí duy trì thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động mới được bổ sung ở năm hiện hành, tiếp tục thực hiện năm dự toán và các năm tiếp theo.				
(3)	Kinh phí tăng thêm khi tăng quy mô biên chế của cơ quan, đơn vị theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền				
(4)	Kinh phí duy tu bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị để vận hành các dự án đầu tư mới hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm dự				
(5)	Kinh phí cho các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách bắt đầu thực hiện trong năm dự toán, bao gồm cả kinh phí sự nghiệp đối ứng cho các dự án mới sử dụng vốn ngoài nước				
(6)	Kinh phí thực hiện cải cách mức tiền lương cơ sở theo quyết định của cấp có thẩm quyền.				
3	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
				

Ghi chú : (1) Bao gồm 13 lĩnh vực quy định tại luật Ngân sách nhà nước, như: Quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội....; trường hợp cơ quan, đơn vị được giao dự toán ở một vài lĩnh vực chi thì lập theo lĩnh vực chi đó.

(2) Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ NHU CẦU CHI MỚI GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trước ngày 20/7 hằng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	LĨNH VỰC CHI	MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	CƠ SỞ PHÁP LÝ/ THỰC TIỄN	HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU	NGUỒN KINH PHÍ	NHU CẦU CHI								
						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	TRONG ĐÓ		CHI THƯỜNG XUYỀN	TRONG ĐÓ	
							CHI CƠ SỞ	CHI MỚI		CHI CƠ SỞ	CHI MỚI		CHI CƠ SỞ	CHI MỚI
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8=11+14	9=12+15	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15
I	Giáo dục - đào tạo													
1	Giáo dục tiểu học	Mục tiêu, nhiệm vụ 1	Nghị quyết QH	Hoạt động 1	NSNN									
				Hoạt động 2	NSNN									
					Thu phí									
		Mục tiêu, nhiệm vụ 2	Nghị quyết CP	Hoạt động 1									
				Hoạt động 2										
										
2	Đào tạo cao đẳng	Mục tiêu, nhiệm vụ ...		Hoạt động ...										
										
II	Y tế													
1	Y tế dự phòng	Mục tiêu, nhiệm vụ ...		Hoạt động ...										
										
...										

..., ngày ... tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

**DỰ KIẾN SỐ THU, CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI THEO CHẾ ĐỘ
GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...**

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư
cùng cấp trước ngày 20/7 hằng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NĂM DỰ TOÁN (N)	SỐ SÁNH NĂM N VỚI THỰC HIỆN NĂM N-1	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3=2/1	4	5
A	Các khoản phí					
I	Tổng số thu phí					
1	Phí A					
2	Phí B					
					
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1	Chi sự nghiệp ...					
2	Chi sự nghiệp ...					
3	Chi quản lý hành chính					
					
III	Số phí nộp NSNN (I - II)					
B	Thu, chi sự nghiệp, dịch vụ					
I	Tổng số thu					
1	Từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công do Nhà nước định giá					
2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật					
II	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ					
1	Chi sự nghiệp ...					
2	Chi sự nghiệp ...					
					

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trước ngày 31/3 hằng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ NĂM TRƯỚC (M - 1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)			NĂM M+1		NĂM M+2	
		DỰ TOÁN GIAO	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SỐ SÁNH TH/KH (%)	DỰ TOÁN GIAO	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SỐ SÁNH TH/KH (%)	TRÀN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	TRÀN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3=2/1	4	5	6=5/4	7	8	9	10
A	TỔNG NHU CẦU CHI NSNN										
I	Chi đầu tư phát triển (1+2+3)										
1	Chi đầu tư các dự án (*)										
	Chi quốc phòng										
	Chi an ninh và trật tự ATXH										
										
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho DN cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn NN vào DN										
3	Chi đầu tư phát triển khác										
II	Chi thường xuyên* (1+2+...)										
1	Chi quốc phòng										
2	Chi an ninh và trật tự ATXH										
										
B	CHI TỪ NGUỒN THU PHÍ ĐƯỢC ĐỀ LẠI CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG THEO QUY ĐỊNH										
1	Chi sự nghiệp.....										
2	Chi sự nghiệp.....										
										
 Chi quản lý hành chính										
C	NHU CẦU CHI CÒN LẠI, SAU KHI TRỪ ĐI SỐ CHI TỪ NGUỒN THU ĐỀ LẠI CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG (A-B)										
I	Chi đầu tư phát triển										
1	Chi đầu tư các dự án*										
	Chi quốc phòng										
	Chi an ninh và trật tự ATXH										
										
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu										
3	Chi đầu tư phát triển khác										
II	Chi thường xuyên*										
1	Chi quốc phòng										
2	Chi an ninh và trật tự ATXH										
										

Ghi chú: (*) Nhiệm vụ chi phát sinh thuộc lĩnh vực chi nào thì thể hiện lĩnh vực chi đó, không cần thể hiện đủ các lĩnh vực chi.

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Tên cơ quan, đơn vị ...
 Chương ...

MẪU BIỂU SỐ 22

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CHI THƯỜNG XUYÊN GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...
 (Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 31/3 hằng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG (*)	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC (M-1)	NĂM HIỆN HÀNH (M)			DỰ KIẾN NĂM M + 1			DỰ KIẾN NĂM M + 2		
			DỰ TOÁN GIAO	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	CHÊNH LỆCH THỰC HIỆN - DỰ TOÁN	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	9	10
	TỔNG NHU CẦU										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở - Chi thường xuyên mới										
1	Quốc phòng										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở - Chi thường xuyên mới										
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở - Chi thường xuyên mới										
3	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở - Chi thường xuyên mới										
4										
5										

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ NGUỒN THU XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT
NĂM 2019 VÀ GIAI ĐOẠN 2019-2021**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính)

STT	Tên cơ quan, tổ chức đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất; địa chỉ nhà, đất xử lý	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Ước thực hiện 2018 (triệu đồng)	Kế hoạch 2019 và giai đoạn 2019-2021 (triệu đồng)		Ghi chú phương án xử lý tài sản (Bán, chuyển mục đích,...)
					Kế hoạch 2019	Giai đoạn 2019-2021	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số						
1	Tên cơ quan/tổ chức....						
2	Tên cơ quan/tổ chức....						
3	Tên cơ quan/tổ chức....						
						

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ NGUỒN THU XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT
NĂM 2019 VÀ GIAI ĐOẠN 2019-2021**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị và tên dự án đầu tư (1)	Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Lũy kế thực hiện hết 2018		Kế hoạch 2019 và giai đoạn 2019-2021		Ghi chú
					Tổng kinh phí	Trong đó: năm 2018	Kế hoạch 2019	Giai đoạn 2019-2021	
1	2					3	4	5	6
	Tổng số								
1	Tên đơn vị/tổ chức.... - Tên dự án đầu tư..... - Tên dự án đầu tư.....								
2	Tên cơ quan/tổ chức.... - Tên dự án đầu tư..... - Tên dự án đầu tư.....								
3								

Ghi chú: (1) Ghi rõ tên đơn vị có dự án đầu tư và tên dự án đầu tư từ nguồn tiền thu được từ xử lý tài sản công

LawSoft * Tel: +84 8 3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.VN
 09846333